

BÁO CÁO

Công khai số liệu thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2022

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT/BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình “ về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022”;

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình báo cáo như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2022

1. Nội dung công khai

Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2022 theo Biểu số 3- Ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính.

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai trên website của Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (sotuphap.ninhbinh.gov.vn)

3. Thời điểm công khai: Ngày 10/01/2023

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2022

1. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách:

- Thu từ thù lao dịch vụ đấu giá: 667.434.336 đồng đạt 64,75% so với dự toán giao.

- Nộp NSNN: 66.700.000 đồng đạt 64,75% so với dự toán giao.

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2022: 887.500.000 đồng

- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý IV/2022: 887.500.000.đồng ; đạt 100% so với dự toán giao.

b. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2022: 18.500.000 đồng

- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý IV/2022: 18.500.000.đồng ; đạt 100% so với dự toán giao.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2022 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình./.

Nơi nhận:

-Website STP;

-Lưu KT, VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC

Lã Khắc Khánh



Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ đấu giá
tài sản tỉnh Ninh Bình.
Chương: 414

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 10 tháng 01 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022	Thực hiện quý IV/2022	So sánh	
				Dự toán (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (%)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.030.000.000	667.434.336	64,75%	
1	Số thu phí, lệ phí	1.030.000.000	667.434.336	64,75%	
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	930.000.000	553.118.252	59,47%	
1	Chi sự nghiệp	930.000.000	553.118.252	59,47%	
2	Chi quản lý hàng chính				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	<i>Nguồn kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ</i>	906.000.000			
	-Mục 6000: Tiền lương	319.000.000			
	+Tiêu mục 6001: Lương ngạch, bậc		41.408.294	12,85%	129
	+Tiêu mục: 6099: Lương hợp đồng		7.112.664	2,19%	123
	-Mục 6100: Phụ cấp lương	22.000.000			
	+Tiêu mục 6101: Phụ cấp chức vụ	18.000.000	1.646.450	9,15%	81,09
	+Tiêu mục 6113: Phụ cấp trách nhiệm	4.000.000			
	-Mục 6250: Phúc lợi tập thể				
	+ Tiêu mục 6299: Chi khác				
	-Mục 6300: các khoản đóng góp	170.000.000			
	+Tiêu mục 6301: Bảo hiểm xã hội	126.000.000	15.791.020	11,9	
	+Tiêu mục 6302: Bảo hiểm y tế	22.000.000	2.707.032	12,3	
	+Tiêu mục 6303: Kinh phí Công đoàn	15.000.000	3.547.988	23,64	
	+Tiêu mục 6304: Bảo hiểm thất nghiệp	7.000.000	902.344	12,88	
	+Tiêu mục 6349: Các khoản đóng góp khác				

	-Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	36.000.000			
	+Tiêu mục 6501: tiền điện	24.000.000	2.499.912	10,41	63,15%
	+Tiêu mục 6502: tiền nước	6.000.000	804.816	13,4	-
	+Tiêu mục 6503: Vệ sinh Môi trường	6.000.000			
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	68.000.000			
	+Tiêu mục 6551: Văn phòng phẩm	28.000.000	18.057.700	64,3%	-
	+Tiêu mục 6552: Mua sắm dụng cụ VP	20.000.000	6.642.000		
	+Tiêu mục 6599: Tiền vật tư văn phòng	20.000.000	1.677.600	8,39%	426,02%
	-Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền	16.500.000			
	+Tiêu mục 6601: Cước phí điện thoại	6.000.000	147.000	2.5%	67,43%
	+Tiêu mục 6603: cước phí bưu chính				
	+Tiêu mục 6605: Cước phí Internet	7.500.000	627.000	8.4%	75%
	+Tiêu mục 6608: Báo, Tạp trí				
	+ Tiêu mục: 6649	3.000.000			
	Mục 6700: công tác phí	60.000.000			
	+Tiêu mục 6701		16.200.000	27%	
	+Tiêu mục 6702		8.800.000	14,67%	
	+Tiêu mục 6703		13.200.000	22%	
	+ Tiêu mục 6704: Khoản công tác phí		37.000.000	61,67%	
	+Tiêu mục 6751:		4.000.000	6,67%	
	-Mục 6900: Sửa chữa tài sản thường xuyên	53.000.000			
	+Tiêu mục 6912: Sửa chữa thiết bị tin học		11.330.000	20,75%	134,08
	+Tiêu mục 6913: Sửa chữa thiết bị Văn Phòng		7.000.000	13,2%	59.57%
	+ Tiêu mục 6921: Đường điện, cấp thoát nước				
	Tiêu mục 6949: Sửa chữa khác				
	-Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn				
	-Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				
	- Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình				
	+ Tiêu mục 7053: Bảo trì phần mềm		2.700.000		81,82%
	Mục 7750: Chi khác	62.000.000			
	+ Tiêu mục 7761: Chi tiếp khách		33.034.850	53,22%	
	+Tiêu mục 7799: Chi các khoản khác		15.998.000	24,19%	
	Mục 7950: Chi lập các quỹ của đơn vị				
	+Tiêu mục 7951: Quỹ bổ sung thu nhập		194.664.583		285%
	+ Tiêu mục 7952: Quỹ phúc lợi		18.000.000		
2	Mua sắm đặc thù	18.500.000			



Thủ trưởng đơn vị

GIÁM ĐỐC

Lã Khắc Khánh